

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC XD DD & CN
M? H ỌC PHẦN : ARC - 391

H ỌC KỲ 5
T ỈN CH Ỉ 1
L ẦN TH I 1

Ngày thi: 12/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	132210154	HỒ CÔNG	B?NH	T15XDD1	8		6.3						8	7.5	Baý pháý Năm		
2	152210164	ĐINH QUANG	KHÁNH	T15XDD1	8		7.3						8	7.8	Baý pháý Tam		
3	152210166	DƯƠNG QUỐC	L ỊNH	T15XDD1	10		7						7.5	7.7	Baý pháý Baý		
4	152210175	NGUYỄN	B?NH	T15XDD1	10		6						7	7.2	Baý pháý Hai		
5	152210176	PHẠM XUÂN	BA	T15XDD1	10		6						6	6.6	Sau pháý Sau		
6	152210177	NGUYỄN Đ?NH	HIẾU	T15XDD1	8		6.5						6.5	6.7	Sau pháý Baý		
7	152210178	NGUYỄN THÀNH	DUY	T15XDD1	10		7.5						7.5	7.9	Baý pháý Chèn		
8	152210181	BÙI VĂN	L ỰC	T15XDD1	8		6.8						7	7.1	Baý pháý Mậ		
9	152210182	NGUYỄN	H ỘP	T15XDD1	10		5						5.5	6.0	Sau		
10	152210184	PHẠM	T Ứ	T15XDD1	0		0						4	2.2	Hai pháý Hai		
11	152210185	HUỶNH KIM	NAM	T15XDD1	8		5						5.5	5.7	Nam pháý Baý		
12	152210190	THÁI	Đ ỊNH	T15XDD1	10		6.3						6.2	6.8	Sau pháý Tam		
13	152210193	NGÔ NHẬT THỂ	D ỮNG	T15XDD1	10		6						6.8	7.0	Baý		
14	152210199	NGUYỄN MINH	Đ ỨC	T15XDD1	1		7						6	5.6	Nam pháý Sau		
15	152210200	LÊ	Q UANG	T15XDD1	8		6						6	6.3	Sau pháý Ba		
16	152210203	NGUYỄN T ẢN	KH ỒI	T15XDD1	10		5.5						6.3	6.6	Sau pháý Sau		
17	152210206	NGUYỄN VĂN	V Ữ	T15XDD1	8		5						5.8	5.9	Nam pháý Chèn		
18	152210207	NGUYỄN NG ỌC	PH Ứ	T15XDD1	10		7						7.3	7.6	Baý pháý Sau		
19	152210209	TRẦN CÔNG	D Ọ	T15XDD1	9		4						6.5	6.1	Sau pháý Mậ		
20	152210210	NGUYỄN NH Ứ	NH ẬN	T15XDD1	10		7						7.3	7.6	Baý pháý Sau		
21	152210216	NGUYỄN VĂN	L ỌNG	T15XDD1	10		5.5						6.5	6.7	Sau pháý Baý		
22	152210220	PHẠM HOÀNG	D ỮNG	T15XDD1	6		5						5.3	5.3	Nam pháý Ba		
23	152210221	ĐINH VĂN	TR ƯỜNG	T15XDD1	10		6.8						7.5	7.7	Baý pháý Baý		
24	152210224	NGUYỄN V Ữ	TR ƯỜNG	T15XDD1	8		7						7.3	7.3	Baý pháý Ba		
25	152210225	NGUYỄN TRẦN	T Ỏ ẢN	T15XDD1	10		7.5						9	8.7	Tam pháý Baý		
26	152210228	LÊ MINH	TH Ị ỆN	T15XDD1	9		8						8	8.2	Tam pháý Hai		
27	152210231	NGUYỄN THÀNH	V Ị ỆN	T15XDD1	10		8						8.3	8.5	Tam pháý Năm		
28	152210233	V? NG ỌC	L Ữ	T15XDD1	10		7						7.3	7.6	Baý pháý Sau		
29	152210238	NGUYỄN H Ữ	TH Ọ	T15XDD1	10		7						8.2	8.1	Tam pháý Mậ		
30	152210240	THÁI XUÂN	TR UNG	T15XDD1	10		6.5						7.3	7.5	Baý pháý Năm		
31	152210241	TRẦN Đ ẠI	NH Ỉ Ả	T15XDD1	8		7						7.4	7.4	Baý pháý Bậ		
32	152210246	HUỶNH VĂN	T Ỏ ẢN	T15XDD1	10		6.5						7.3	7.5	Baý pháý Năm		
33	152210250	NGUYỄN TR Ờ ỌNG	V ỊNH	T15XDD1	6		5						5.8	5.6	Nam pháý Sau		
34	152210253	NGUYỄN TH Ị	NH ỌC	T15XDD1	8		8.2						8.3	8.2	Tam pháý Hai		
35	152210257	NGUYỄN NG ỌC	M ỊNH	T15XDD1	10		7.3						8.5	8.4	Tam pháý Bậ		
36	152210258	TRẦN V Ị ỆT	L ỊNH	T15XDD1	10		6.3						8	7.8	Baý pháý Tam		
37	152210261	V? TH ẠNH	Q UANG	T15XDD1	8		7						8.4	7.9	Baý pháý Chèn		
38	152210263	V? H Ữ	Q UY ỆT	T15XDD1	9		6						6.6	6.8	Sau pháý Tam		
39	152210269	LÊ KIM	H Ồ ỌNG	T15XDD1	10		6.8						8	7.9	Baý pháý Chèn		
40	152210272	CAO VĂN	B?NH	T15XDD1	10		5.3						6.8	6.8	Sau pháý Tam		

Ngày thi: 12/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
41	152220331	NGUYỄN TUỜNG	AN	T15XDD1	0		0						V	0.0	Khăng		
42	152220352	NGÔ TIẾN	HÀ	T15XDD1	10		7						8.5	8.3	Tâm pháy Ba		
43	152220363	NGUYỄN THANH	TUẤN	T15XDD1	10		7.5						8	8.2	Tâm pháy Hai		
44	152220378	TRẦN Đ?NH	SANG	T15XDD1	10		6.5						5.5	6.5	Sầu pháy Năm		
45	132210223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T15XDD2	7		6						7.5	7.0	Báy		
46	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	8.5		4.5						7	6.5	Sầu pháy Năm		
47	152210171	TRẦN HỒNG	QUANG	T15XDD2	9		5.8						6.8	6.8	Sầu pháy Tâm		
48	152210180	ĐINH PHƯỚC	TOÀN	T15XDD2	9		5.3						7	6.8	Sầu pháy Tâm		
49	152210183	NGUYỄN TUẤN	ANH	T15XDD2	9		6						6	6.5	Sầu pháy Năm		
50	152210187	ĐỖ XUÂN	CƯỜNG	T15XDD2	8		7						7	7.2	Báy pháy Hai		
51	152210188	NGUYỄN VĂN	THÀNH	T15XDD2	7.5		5						7	6.5	Sầu pháy Năm		
52	152210189	LÊ HỮU	CƯỜNG	T15XDD2	6		5.8						HP	0.0	Khăng		
53	152210191	DƯƠNG HỒNG	THỌ	T15XDD2	9		5.8						7	6.9	Sầu pháy Chên		
54	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	7.5		4.8						6	5.9	Năm pháy Chên		
55	152210197	PHAN XUÂN	MINH	T15XDD2	6		3.5						5	4.7	Bấ pháy Báy		
56	152210198	PHAN UYÊN	VŨ	T15XDD2	8.5		7.3						7.3	7.5	Báy pháy Năm		
57	152210208	BÙI VĂN	ĐỨC	T15XDD2	8		7.5						8	7.9	Báy pháy Chên		
58	152210211	ĐẶNG NGỌC	LĨNH	T15XDD2	8.5		8						7.5	7.8	Báy pháy Tâm		
59	152210212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD2	7.5		3.5						4.5	4.7	Bấ pháy Báy		
60	152210213	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	T15XDD2	8.5		7.5						8	7.9	Báy pháy Chên		
61	152210215	LƯU SƠN	TRÀ	T15XDD2	9		7.5						7.5	7.7	Báy pháy Báy		
62	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	8.5		5						7	6.6	Sầu pháy Sầu		
63	152210222	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	T15XDD2	8.5		7.3						7.5	7.6	Báy pháy Sầu		
64	152210223	TRƯƠNG CÔNG	LUẬN	T15XDD2	9		5.5						7	6.9	Sầu pháy Chên		
65	152210226	ĐỖ QUANG	CHÍN	T15XDD2	8.5		5.5						6.5	6.5	Sầu pháy Năm		
66	152210227	TRẦN ÁI	QUỐC	T15XDD2	10		6.8						7	7.4	Báy pháy Bấ		
67	152210229	NGUYỄN XUÂN	B?NH	T15XDD2	8		5.5						6.5	6.4	Sầu pháy Bấ		
68	152210234	NGUYỄN HỮU	VIỆT	T15XDD2	10		7						7.5	7.7	Báy pháy Báy		
69	152210235	HÀ TẤN	NGHIỆP	T15XDD2	8		4						5	5.2	Năm pháy Hai		
70	152210239	TRẦN	MAY	T15XDD2	8		8						9	8.6	Tâm pháy Sầu		
71	152210242	V? Đ?NH	BÁCH	T15XDD2	9		3						6.5	5.8	Năm pháy Tâm		
72	152210244	LÊ THANH	VŨ	T15XDD2	9		7.3						7.5	7.7	Báy pháy Báy		
73	152210252	V? TR UỜNG	QUỲNH	T15XDD2	8		6.5						7	7.0	Báy		
74	152210256	TRẦN ĐẶNG	KHOA	T15XDD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
75	152210259	HỒ VĂN	DŨNG	T15XDD2	8		4.5						5	5.3	Năm pháy Ba		
76	152210260	TRẦN VĂN	DŨNG	T15XDD2	8		4.8						4.8	5.3	Năm pháy Ba		
77	152210262	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	T15XDD2	9		4						6	5.9	Năm pháy Chên		
78	152210267	NGUYỄN CÔNG	QUÂN	T15XDD2	8		4						5	5.2	Năm pháy Hai		
79	152210270	TRẦN B?NH	TRUNG	T15XDD2	10		6.3						7	7.2	Báy pháy Hai		
80	152220342	TRẦN THANH	SƠN	T15XDD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
81	152220346	TRẦN THANH	NH?	T15XDD2	9		6.3						7.3	7.3	Báy pháy Ba		
82	152220391	HÀ VĂN	LỰC	T15XDD2	8		6.5						7	7.0	Báy		
1	4433	LÊ DUY	DŨNG	K13XDD	10		7.5						7.8	8.0	Tâm		

Ngày thi: 12/11/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
2	4527	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	K13XDD	10		6							7	7.2	Báy pháy Hai	
3	4620	TRẦN VĂN VINH	K13XDD	10		6							6	6.6	Sau pháy Sau	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	80	94%	
2	Số sinh viên nợ	5	6%	
TỔNG CỘNG :		85	100%	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 12 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

L?NH ĐẠO KHOA

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

(k? và ghi r? họ tên)

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú